

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 152/AEONVN/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 28 6288 7711

Fax: .....

E-mail: pqa@aeon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0311241512

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ..... Ngày Cấp/Nơi cấp: .....

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm:**

**1. Tên sản phẩm:**

MÌ MIGORENG

**2. Thành phần:**

Vật Mì: Bột mì 546,07 g/kg, dầu cọ, chất làm dày (INS 1404, INS 1440), muối, chất làm ẩm (INS 451(i)), chất điều chỉnh độ acid (INS 501(i), INS 500(i)), chất chống oxy hóa (INS 320, INS 321).  
Gói súp: Đường, muối, chất điều vị (INS 621, INS 631, INS 627), bột nước tương, các gia vị (tỏi, ớt), tinh bột sắn, chiết xuất nấm men, phẩm màu caramen nhóm I (caramen nguyên chất) tự nhiên, chất chống đông vón (INS 551), dầu cọ.

Gói dầu: Dầu cọ, các gia vị (tỏi phi 10,6 g/kg, hành phi 4,54 g/kg, ớt), hương liệu giống tự nhiên (hương hành phi), hương liệu tổng hợp (hương tỏi phi), hương liệu giống tự nhiên.

Gói rau: Protein lúa mì, bắp cải xanh sấy, cà rốt sấy, bắp sấy, hành lá sấy.

Gói gia vị: Các gia vị (ớt, tiêu).

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

08 tháng kể từ ngày sản xuất.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**4.1. Quy cách đóng gói:**

Sản phẩm được đóng gói theo quy cách 97 g hoặc quy cách khác tùy theo nhu cầu của khách hàng và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

**4.2. Chất liệu bao bì:**

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhiều lớp, lớp tiếp xúc với thực phẩm là lớp nhựa, phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):**

Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Lô số II-3, Đường số 11, Nhóm CN II, Khu Công Nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)  
Xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm.

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư số 24/2019/TT- BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Tiêu chuẩn Nhà sản xuất về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

  
CÔNG TY  
TNHH  
AEON VIỆT NAM  
HỒ CHÍ MINH

**NGUYỄN THỊ DUY XUÂN**



CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM <b>MÌ MIGORENG</b>	Kèm theo Bản Tự công bố Số: 152/AEONVN/2026
-------------------------------	---	--



**I. Phạm vi áp dụng:**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm MÌ MIGORENG nhãn hiệu TOPVALU của Công ty TNHH AEON Việt Nam, được sản xuất và đóng gói tại Công ty Cổ Phần Acecook Việt Nam.

**II. Yêu cầu kỹ thuật:**

**1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Vắt mì có hình khối hoặc có hình dạng xác định, đồng đều, không có dị vật lạ.
2	Màu sắc	Màu sắc đồng nhất, đặc trưng của vắt mì.
3	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của mì, tỏi phi và hành phi, không có mùi vị lạ.

**2. Các chỉ tiêu chất lượng:**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Năng lượng	kcal/97 g	331 - 589
2	Chất đạm	g/ 97 g	6,5 - 11,5
3	Carbohydrat	g/ 97 g	42,0 - 74,6
4	Đường tổng số	g/ 97 g	5,3 - 9,3
5	Chất béo	g/ 97 g	15,3 - 27,1
6	Chất béo bão hòa	g/ 97 g	7,5 - 13,3
7	Natri	mg/ 97 g	756 - 1344

**3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750
5	Zearalenone	µg/kg	75

**4. Các chỉ tiêu kim loại nặng:**

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,2
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

**5. Các chỉ tiêu vi sinh vật:**

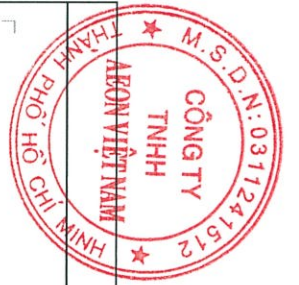
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 <sup>6</sup>
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 <sup>3</sup>
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10 <sup>2</sup>
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10 <sup>2</sup>
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10 <sup>2</sup>
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10 <sup>2</sup>
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 <sup>3</sup>

**6. Các chỉ tiêu phụ gia thực phẩm:**

Phù hợp Thông tư số 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.



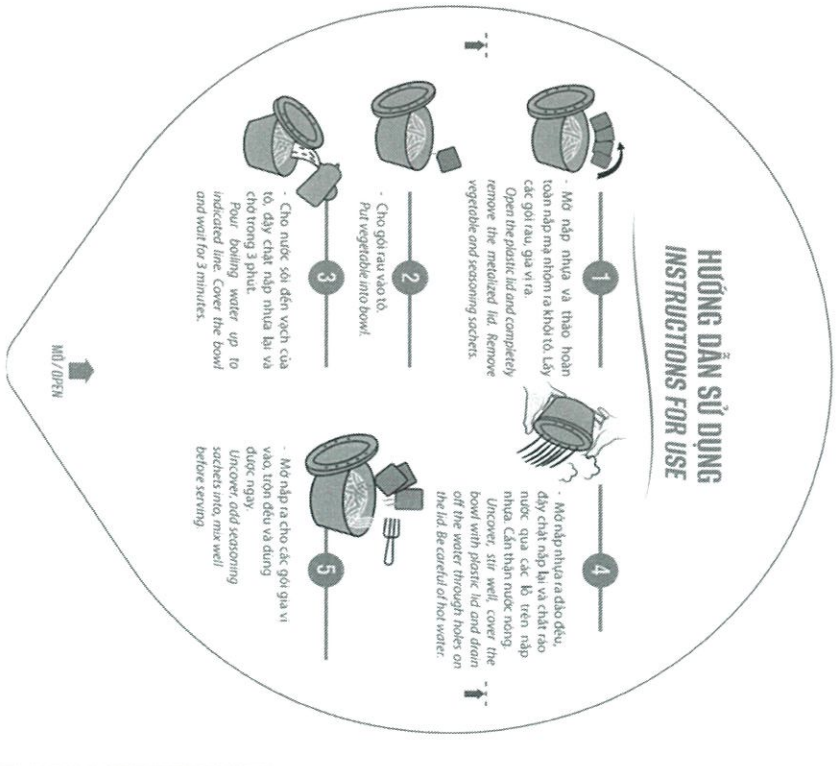




NHÂN DỨ KIẾN

Mặt nắp ly mì

Mặt nắp trong ly mì





Report N°: 0001462497

Page N° 1/4

**ANALYSIS REPORT**  
**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2026

**JOB NO.: 2604A-2424**

Đơn hàng: 2604A-2424

**CLIENT'S NAME** : **AEON VIETNAM COMPANY LIMITED**  
*Tên khách hàng* : **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM**

**CLIENT'S ADDRESS** : **NO. 30, TAN THANG STREET, TAN SON NHI WARD; HO CHI MINH CITY, VIETNAM**  
*Địa chỉ* : **SỐ 30, ĐƯỜNG TÂN THẮNG, PHƯỜNG TÂN SƠN NHÌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**

**SAMPLE INFORMATION:**  
**THÔNG TIN MẪU**

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
*Được lấy/ gửi bởi* : *Khách hàng*

**Client's reference** : **MÌ MIGORENG**  
*Chú thích của khách hàng*

**Sampling date** : **10/04/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 07 plastic containers**  
*Mô tả mẫu* : *Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 07 vật chứa bằng nhựa*

**Sample ID** : **2604A-2424.001**  
*Mã số mẫu*

**Date sample(s) received** : **April 10, 2026**  
*Ngày nhận mẫu* : *10/04/2026*

**Testing period** : **April 10, 2026 - May 06, 2026**  
*Thời gian thử nghiệm* : *10/04/2026 - 06/05/2026*

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**  
*Yêu cầu thử nghiệm* : *Theo yêu cầu của khách hàng*

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**  
*Kết quả kiểm nghiệm* : *Vui lòng tham khảo trang sau*

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Protein Chất đạm	ISO 1871:2009	8.85	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25 Crude protein
2. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	64.00	0.05	0.18	g/100g	Not incl. polyols, Note (2)
3. Energy Năng lượng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) <sup>(*)</sup>	445	-	-	kcal/100g	Vietnam market
4. Total fat Chất béo	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	17.0505	0.0001	0.0003	g/100g	
5. Saturated fat Chất béo bão hòa	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	8.4708	0.0001	0.0003	g/100g	
6. Total sugars Đường tổng số	AOAC 2018.16	7.63	_(a)	_(a)	g/100g	Note (3)
7. Fructose Fructoza	AOAC 2018.16	0.228	0.03	0.1	g/100g	
8. Galactose Galactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
9. Glucose Glucoza	AOAC 2018.16	0.802	0.03	0.1	g/100g	
10. Lactose Lactoza	AOAC 2018.16	Not Detected Không phát hiện	0.03	0.1	g/100g	
11. Maltose Maltoza	AOAC 2018.16	0.700	0.03	0.1	g/100g	
12. Sucrose Sucroza	AOAC 2018.16	5.90	0.03	0.1	g/100g	
13. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	1299	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,  
 Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,  
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462497

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) are stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
 

Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
 

Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.
 

(2) Bao gồm tinh bột tiêu hóa, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose và 40 % lactulose. Không bao gồm polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose và allulose.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
 

(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- (3) Sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, and Xylose.
 

(3) Tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, Sucrose, Isomaltose, Melibiose, Rhamnose, và Xylose.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
 

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipetteable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.  
 \_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462497

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*



Your feedback helps us improve our service .  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH  
Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 2605060722



Page N°: 1/ 1

Ho Chi Minh City, Date: May 06, 2026  
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 06/05/2026

APPENDIX  
PHỤ LỤC

JOB NO.: 2604A-2424  
Đơn hàng: 2604A-2424

Sample ID: 2604A-2424.001: MÌ MIGORENG

NUTRITION FACT TABLE APPENDIX (VIETNAM MARKET)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (Δ)			
Tổng số phần ăn:	1		
Kích cỡ một phần ăn:	97 g		
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng	432	kcal	22%
Chất đạm	8,6	g	17%
Carbohydrat	62,1	g	19%
Đường tổng số	7,4	g	
Chất béo	16,5	g	30%
Chất béo bão hòa	8,2	g	41%
Natri	1260	mg	63%
<i>% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.</i>			
<i>(Δ) chỉ dùng để tham khảo. Khách hàng sẽ chịu trách nhiệm cho định dạng bảng thành phần dinh dưỡng cuối cùng công bố trên sản phẩm thực.</i>			

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH  
Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea – Vietnam Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company under its General Conditions of Service accessible at <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdiction issues defined therein. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of Client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



SGS

Report N°: 0001462469

Page N° 1/4

ANALYSIS REPORT  
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2026

JOB NO.: 2604A-2424

Đơn hàng: 2604A-2424

**CLIENT'S NAME** : **AEON VIETNAM COMPANY LIMITED**  
*Tên khách hàng* : **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM**

**CLIENT'S ADDRESS** : **NO. 30, TAN THANG STREET, TAN SON NHI WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM**  
*Địa chỉ* : **SỐ 30, ĐƯỜNG TÂN THẮNG, PHƯỜNG TÂN SON NHÌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**

**SAMPLE INFORMATION:**  
*THÔNG TIN MẪU*

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
*Được lấy/ gửi bởi* : *Khách hàng*

**Client's reference** : **MÌ MIGORENG**  
*Chú thích của khách hàng*

**Sampling date** : **10/04/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
*Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.*

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 07 plastic containers**  
*Mô tả mẫu* : *Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 07 vật chứa bằng nhựa*

**Sample ID** : **2604A-2424.001**  
*Mã số mẫu*

**Date sample(s) received** : **April 10, 2026**  
*Ngày nhận mẫu* : *10/04/2026*

**Testing period** : **April 10, 2026 - May 06, 2026**  
*Thời gian thử nghiệm* : *10/04/2026 - 06/05/2026*

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**  
*Yêu cầu thử nghiệm* : *Theo yêu cầu của khách hàng*

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**  
*Kết quả kiểm nghiệm* : *Vui lòng tham khảo trang sau*

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory**; Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory**; Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)





Report N°: 0001462469

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)  
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
2. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
3. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
4. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
5. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
6. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
7. Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol</i>	LFOD-TST-SOP-8456	<10	3	10	µg/kg	
8. Zearalenone <i>Zearalenone</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
9. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
10. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



▪ LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipetteable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dây ống có nồng độ cao nhất).

\_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

\_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462469

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service. Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH  
Lâm Văn Xự

Handwritten signature in blue ink over a red circular stamp: M.S.D.N:0100114025-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẬN 3-TP. HỒ CHÍ MINH

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462450

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2026

JOB NO.: 2604A-2424

Đơn hàng: 2604A-2424

**ANALYSIS REPORT**

**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**

**CLIENT'S NAME** : **AEON VIETNAM COMPANY LIMITED**

Tên khách hàng

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

**CLIENT'S ADDRESS** : **NO. 30, TAN THANG STREET, TAN SON NHI WARD, HO CHI MINH CITY,**

Địa chỉ

**VIETNAM**

SỐ 30, ĐƯỜNG TÂN THẮNG, PHƯỜNG TÂN SON NHÌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,  
VIỆT NAM

**SAMPLE INFORMATION:**

**THÔNG TIN MẪU**

**Sampled/ Submitted by** : **Client**

Được lấy/ gửi bởi

Khách hàng

**Client's reference** : **MÌ MIGORENG**

Chú thích của khách hàng

Sampling date : 10/04/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 07 plastic containers**

Mô tả mẫu

Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 07 vật chứa bằng nhựa

**Sample ID** : **2604A-2424.001**

Mã số mẫu

**Date sample(s) received** : **April 10, 2026**

Ngày nhận mẫu

10/04/2026

**Testing period** : **April 10, 2026 - May 06, 2026**

Thời gian thử nghiệm

10/04/2026 - 06/05/2026

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**

Yêu cầu thử nghiệm

Theo yêu cầu của khách hàng

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**

Kết quả kiểm nghiệm

Vui lòng tham khảo trang sau

**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)



Report N<sup>o</sup>: 0001462450

Page N<sup>o</sup> 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	2.0x10 <sup>1</sup>	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31	<10	-	10	cfu/g	
4. E. coli E. coli	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
5. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 15213-2:2023 <sup>(*)</sup>	<10	-	10	cfu/g	
6. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
7. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.  
LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462450

that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area, according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

- \_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
- \_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462450

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

Your feedback helps us improve our service.  
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH  
Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001462472

Page N° 1/4

**ANALYSIS REPORT**  
**BÁO CÁO PHÂN TÍCH**

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2026

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2026

**JOB NO.: 2604A-2424**

Đơn hàng: 2604A-2424

**CLIENT'S NAME** : **AEON VIETNAM COMPANY LIMITED**  
*Tên khách hàng* : **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM**

**CLIENT'S ADDRESS** : **NO. 30, TAN THANG STREET, TAN SON NHI WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM**  
*Địa chỉ* : **SỐ 30, ĐƯỜNG TÂN THẮNG, PHƯỜNG TÂN SON NHÌ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**

**SAMPLE INFORMATION:**  
**THÔNG TIN MẪU**

**Sampled/ Submitted by** : **Client**  
*Được lấy/ gửi bởi* : *Khách hàng*

**Client's reference** : **MÌ MIGORENG**  
*Chú thích của khách hàng*

**Sampling date** : **10/04/2026**

The above information is submitted and identified by the client/applicant.  
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

**Sample description** : **Food (approx. gr. wt. 1.1kg) in 07 plastic containers**  
*Mô tả mẫu* : *Thực phẩm (khoảng 1.1kg bao gồm bao bì) chứa trong 07 vật chứa bằng nhựa*

**Sample ID** : **2604A-2424.001**  
*Mã số mẫu*

**Date sample(s) received** : **April 10, 2026**  
*Ngày nhận mẫu* : *10/04/2026*

**Testing period** : **April 10, 2026 - May 06, 2026**  
*Thời gian thử nghiệm* : *10/04/2026 - 06/05/2026*

**Test(s) requested** : **As applicant's requirement**  
*Yêu cầu thử nghiệm* : *Theo yêu cầu của khách hàng*

**Test result(s)** : **Please refer to the next page(s)**  
*Kết quả kiểm nghiệm* : *Vui lòng tham khảo trang sau*



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)



Report N°: 0001462472

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Sodium tripolyphosphate (expressed as P) <i>Natri tripolyphosphate (biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	13	44	mg/kg	
2. Butylated hydroxyanisole (BHA) <i>Butyl hydroxyanisol</i>	LFOD-TST-SOP-8474	6.8	0.1	0.3	mg/kg	
3. Butylated hydroxytoluene (BHT) <i>Butyl hydroxytoluene</i>	LFOD-TST-SOP-8474	5.2	0.1	0.3	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOCS (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (\*).  
*Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOCS (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (\*).*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (\*\*) after the analyte name.  
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (\*\*) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.  
*Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.*
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.  
*Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.*
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.  
*LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.*

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

1146  
 CÔNG TY  
 S VIỆT NAM  
 TRÁCH NHIỆM  
 HỮU HẠN  
 QUẬN 3-TP.



Report N°: 0001462472

Page N° 3/4

và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dây ống có nồng độ cao nhất).

- \_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
- \_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS  
 Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

\*\*\* END OF THE REPORT \*\*\*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.  
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



SGS

Report N°: 0001462472

Page N° 4/4

Your feedback helps us improve our service. Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of  
**SGS Vietnam LTD.**  
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH  
Lâm Văn Xự



**SGS Vietnam Ltd.**

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**HCM Laboratory:** Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam  
**Can Tho Laboratory:** Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam  
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 [www.sgs.vn](http://www.sgs.vn)

*This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.*